

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17-8-2020.

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia
đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Toàn
2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2020/TLST-HNGĐ ngày 12/6/2020 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1986

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đăng N, sinh năm 1976

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn C, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là chị Trịnh Thị H trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Chị và anh Nguyễn Đăng Nh tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 25/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, kết hôn đã lâu mà không có con, nhiều lần chị động viên anh N đi khám và điều trị để sinh con nhưng anh N không thực hiện dẫn đến cuộc sống chung ngày càng căng thẳng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đăng Nh.

Chị và anh N không có con chung.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Chị và anh N không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi chị H và anh N cư trú cung cấp nội dung như sau:

Quá trình chung sống tại địa phương giữa chị H và anh N có xảy ra mâu thuẫn như chị H đã trình bày là đúng. Việc đoàn tụ hay ly hôn là do anh chị quyết định, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị H và anh N không có con chung.

Tài sản chung của chị H và anh N như thế nào địa phương không nắm được, vợ chồng không có nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 147; 203; 235; 238; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đăng N.

+ Về nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để trình bày lời khai, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là anh Nguyễn Đăng N không trình bày lời khai, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Nguyên đơn là chị Trịnh Thị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Đăng N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, kết hôn đã lâu mà không có con, nhiều lần chị H động viên anh N đi khám và điều trị để sinh con nhưng anh N không thực hiện dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh N không trình bày lời khai, không có mặt tại phiên hòa giải thể hiện việc anh không có thiện chí để đoàn tụ với chị H. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị H và anh N là có thật và ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trịnh Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đăng N là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh N không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Do anh N chưa có lời khai về tài sản, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên, **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 147; 203; 235; 238; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; điều 27 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đăng N.

2. Về nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị Huệ đã nộp tạm ứng lệ phí, án phí tại biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0009500 ngày 12/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố t thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Thái Bình;

- Đương sự;

- Chi cục THADS TP.T;

- UBND xã V, thành phố T, tỉnh

Thái Bình (Nơi ĐKKH);

- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái